

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG PTK**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG PTK

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PTK CONSTRUCTION TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH TM XD PTK

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703064771

**3. Ngày thành lập:** 09/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa Đất Số 1568, Tờ Bản Đồ Số 9, Tổ 2, Khu Phố Khánh Hội, Phường Tân Phước Khánh, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0908914447

Fax:

Email: xaydung.ptk@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt cửa nhôm, cửa kính, cửa nhựa; Lắp đặt thiết bị công trình xây dựng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông, dân dụng; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; lắp đặt hệ thống báo cháy, báo trộm, camera quan sát, thông tin liên lạc viễn thông, mạng, thông gió.                                                                                                                                                                                                                  | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Thi công lắp đặt, sàn gỗ, sàn nhựa, giấy dán tường, decal dán tường và kính các loại; Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình xây dựng dân dụng và các công trình khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng; Lắp đặt hệ thống cửa bao gồm cửa ra vào, cửa sổ, cửa bếp, cầu thang, các loại cửa tương tự làm bằng gỗ hoặc làm bằng vật liệu khác; Các hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được; Thi công sơn các công trình kỹ thuật dân dụng. | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4390     |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ các loại thực vật, động vật hoang dã, gồm cả vật sống và các bộ phận của chúng đã được chế biến, thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt nam là thành viên quy định và các loại thực vật, động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng).                                                                                                                                                                                                                        | 4620     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường tủ bàn ghế, nội thất cho gia đình; Bán buôn hàng trang trí nội thất, đồ điện gia dụng và đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn nệm ghế, nệm đầu giường; Bán buôn khóa, khóa cửa điện tử, đèn trang trí các loại; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4649 |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (Máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị ngành xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4659 |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, tôn, inox.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4662 |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, và gỗ chế biến; Bán buôn sơn, véc ni, bột bả, bột chống thấm và các phụ gia; Bán buôn gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng; Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; Bán buôn kính phẳng; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn đồ ngũ kim và khóa; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn bình đun nước nóng; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác; Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. | 4663 |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất; bán buôn máy phun sương, máy tạo độ ẩm; bán buôn các sản phẩm bằng nhựa, gỗ, giả gỗ, bán buôn cửa nhôm, cửa kính, cửa nhựa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4669 |
| 11. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự (Trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9524 |
| 12. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310 |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410 |
| 14. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690 |
| 15. | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh<br>Chi tiết: Gia công cắt, mài cạnh kính.<br>(Không gia công tại trụ sở chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2310 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Sản xuất cửa kim loại, cửa đi, cửa sổ và khung cửa kim loại, vách ngăn phòng bằng kim loại; Sản xuất cửa nhựa lõi thép UPVC; Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn. (Không sản xuất tại trụ sở chính) | 2599(Chính) |
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.                                                                                                                                                                           | 7730        |
| 18. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8121        |
| 19. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4101        |
| 20. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4102        |
| 21. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4221        |
| 22. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4222        |
| 23. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4229        |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4299        |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4311        |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4312        |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321        |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                       | 4752        |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                    | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 888.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/03/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 280648527

Ngày cấp: 06/07/2009

Nơi cấp: Công An Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ thường trú: Khu Phố 3, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số Nhà 727/15, Đường Lê Hồng Phong, Khu Phố 7, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương